

Đặc điểm thần kinh tâm thần và một số yếu tố liên quan của thuyền viên vận tải viễn dương năm 2023

Đỗ Thị Hải^{1*}, Nguyễn Văn Tâm¹

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

***Tác giả liên hệ**

Đỗ Thị Hải
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Điện thoại: 0394174801
Email: dthai@hpmu.edu.vn

Thông tin bài đăng

Ngày nhận bài: 03/01/2024
Ngày phản biện: 10/01/2024
Ngày duyệt bài: 16/02/2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng thần kinh tâm thần và một số yếu tố liên quan của thuyền viên vận tải viễn dương đến khám sức khỏe tại Viện Y học biển năm 2023. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp 300 thuyền viên, sử dụng thang điểm DASS21 để đánh giá thực trạng rối loạn thần kinh tâm thần và một số yếu tố liên quan. **Kết quả:** Tỷ lệ thuyền viên rối loạn TKTT là 17% (10,34% lo âu, 2,33% Stress, 2,33% trầm cảm). Mức độ thuyền viên rối loạn TKTT: lo âu nhẹ (8,33%), Stress nhẹ (3,33%), trầm cảm nhẹ (2,33%), lo âu vừa (2,0%). Một số yếu tố liên quan đến thần kinh tâm thần của thuyền viên: Thuyền viên có cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền khi tàu hành trình trên biển (OR = 3,08; 95%CI: 1,8 – 5,2); thuyền viên có trạng thái căng thẳng về cảm xúc tình dục (OR = 1,73; 95%CI: 1,05 - 2,85); thuyền viên luôn lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển (OR = 1,87; 95%CI: 1,1 – 3,0); thuyền viên lo lắng về vấn đề chăm sóc y tế trên tàu (OR = 2,59; 95%CI: 1,54 – 4,36). **Kết luận:** Rối loạn thần kinh tâm thần là một vấn đề sức khỏe đáng quan tâm của thuyền viên vận tải viễn dương, để phòng chống rối loạn thần kinh tâm thần cho thuyền viên cần cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt trên tàu.

Từ khóa: Thần kinh tâm thần, lo âu, stress, trầm cảm, Dass 21

Neuro-psychiatric characteristics and related factors of seafarers who had health examination in the institute of marine medicine in 2023

ABSTRACT: Aim: To describe the neuropsychiatric situation and some factors related to the health of seafarers in the Institute of Marine Medicine in 2023. **Methods:** Cross-sectional descriptive study was conducted through direct interviews with 300 seafarers, using the DASS 21 to assess neuropsychiatry disorders and some related factors. **Result:** The rate of seafarers with mental disorders was 17% (10.34% were anxious, 2.33% were stressed, and 2.33% were depressed). Seafarers with the level of mental disorder: mild anxiety (8.33%), mild stress (3.33%), mild depression (2.33%), moderate anxiety (2.0%). Some factors related to the neuro-psychiatry of seafarers: seafarers felt lonely, were isolated from the mainland (OR = 3.08 ; 95% CI: 1.8-5.2); seafarers had sexual emotional tension (OR = 1.73; 95% CI:1.05 - 2.85); seafarers worried about accidents and disasters occurring at sea (OR = 1.87; 95% CI:1.1 - 3.0); seafarers were worried about medical care on board (OR=2.59; 95%CI:1.54-4.36). **Conclude:** Neuro-psychiatric disorders is a

mental health problem of seafarers. To prevent neuro-psychiatry disorders for seafarers, it is necessary to improve living and working conditions on board ships.

Keywords: *Neuro- psychiatric, anxiety, stress, depression, Dass 21.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuyền viên là những người lao động trong môi trường nặng nhọc, độc hại, biệt lập với đất liền trong thời gian dài, môi trường lao động đơn giới, nhiều áp lực về cấp bậc...tất cả các yếu tố đó tạo nên gánh nặng tâm thần kinh cho thuyền viên. Hậu quả của những tác động đó là các rối loạn tâm lý của thuyền viên ở nhiều mức độ khác nhau. Có nhiều trường hợp thuyền viên rối loạn lo âu, stress, ảnh hưởng rõ rệt đến khả năng làm việc trên tàu, thậm chí có ý định tự tử. Nghiên cứu của Nguyễn Trường Sơn và Trần Thị Quỳnh Chi (2003) cho thấy tỷ lệ thuyền viên có các rối loạn hành vi tâm thần xảy ra trên biển là 12,66% cao hơn người trên đất liền (0,61%) [2]. Borsch (2012) nghiên cứu hồi cứu các trường hợp thuyền viên tử vong trên biển ở Đan Mạch từ năm 1986 – 2009 thấy tỷ lệ tự tử chiếm 10,11% [4]. Gánh nặng tâm thần kinh đang có xu hướng ngày càng tăng lên ở thuyền viên, đặc biệt là vài năm trở lại đây, thế giới đang chịu tác động của đại dịch Covid-19, thuyền viên phải đi biển dài ngày hơn do không thể vào bờ để thay người, cá biệt có thuyền viên phải đi biển liên tục tới 21 tháng. Vì vậy chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu: Mô tả thực trạng thần kinh tâm thần và một số yếu tố liên quan của thuyền viên vận tải viễn dương đến khám sức khỏe tại Viện Y học biển năm 2023

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Thuyền viên vận tải viễn dương đến khám sức khỏe tại Viện Y học biển.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: Khoa Khám và quản lý sức khỏe lao động biển – Viện Y học biển

Thời gian: Từ tháng 2 đến tháng 10 năm

2023.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu:

$$n = \frac{Z^2_{(1-\alpha/2)} p(1-p)}{(p.\varepsilon)^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu nghiên cứu. $Z^2_{(1-\alpha/2)}$ là hệ số tin cậy, chọn $Z = 1,9$ với độ tin cậy là 95%; p là tỷ lệ thuyền viên có rối loạn thần kinh tâm lý theo nghiên cứu của Đỗ Thị Hải năm 2014 là 10,33% [7], ε : mức chính xác mong muốn, chọn $\varepsilon = 0,2$. Thay vào công thức, ta tính được: $n = 217$. Để tăng độ tin cậy chúng tôi chọn cỡ mẫu là 300 thuyền viên đủ tiêu chuẩn lựa chọn vào nghiên cứu.

Biến số nghiên cứu

Đặc điểm thần kinh tâm thần (TKTT) của thuyền viên vận tải viễn dương: Đặc điểm thần kinh tâm lý. Tỷ lệ rối loạn TKTT. Mức độ loạn TKTT.

Một số yếu tố liên quan đến rối loạn thần kinh tâm thần của thuyền viên vận tải viễn dương: Liên quan giữa cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền; nỗi nhớ nhà, gia đình; trạng thái cảm xúc tình dục; lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển; lo lắng về chăm sóc y tế; sự phân biệt cấp bậc trên tàu và rối loạn TKTT.

Phương pháp và công cụ thu thập thông tin

Sử dụng bảng Test DASS 21 (Phụ lục 1) để đánh giá rối loạn lo âu, trầm cảm, căng thẳng ở của thuyền viên. Bảng Dass 21 phân ra các câu hỏi cho từng thành phần với các ký hiệu viết tắt ở đầu câu: Stress (S), lo âu (A), trầm cảm (D). Đối tượng đọc từng câu hỏi trong bảng test và đánh dấu vào một trong các mục 0,1,2,3 tương ứng với trạng thái của thuyền viên gặp phải trong 1 tuần vừa qua. Sau đó sẽ cộng tổng điểm từng thành phần nhân với 2

và phân độ mức độ lo âu, trầm cảm, căng thẳng theo bảng phân loại sau:

Mức độ	Trầm cảm	Lo âu	Stress
Bình thường	0 – 9	0 – 7	0 – 14
Nhẹ	10 – 13	8 – 9	15 – 18
Vừa	14 – 20	10 – 14	19 – 25
Nặng	21 – 27	15 – 19	26 – 33
Rất nặng	≥28	≥20	≥34

Xử lý và phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 và các test thống kê phù hợp. Xác định mối liên quan bằng OR và khoảng tin cậy CI 95%, có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua tại hội đồng KHCN cấp cơ sở của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Sự cho phép của lãnh đạo Viện Y học biển. Tất cả thuyền viên tham gia nghiên cứu đều được giải thích cụ thể về mục đích, nội dung, tính bảo mật của nghiên cứu và tự nguyện đồng ý tham gia.

KẾT QUẢ

Đặc điểm thần kinh tâm thần của thuyền viên vận tải viễn dương

Bảng 1. Đặc điểm thần kinh tâm thần của thuyền viên VTVD

CTNC \ KQNC	Có		Không	
	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
Lo nghĩ về gia đình	100	33,3	200	66,7
Căng thẳng về cảm xúc tình dục	120	40,0	180	60,0
Căng thẳng do tiếng ồn, rung lắc trên tàu	54	18,0	246	82,0
Lo nghĩ về gánh nặng kinh tế	118	39,33	182	60,67
Cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền	126	42,0	174	58,0
Lo lắng về chăm sóc y tế trên tàu	123	41,0	177	59,0
Cách trở cấp bậc trên tàu	38	12,67	262	87,33
Lo lắng tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển	122	40,67	178	59,33

Thuyền viên có cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền chiếm tỷ lệ cao nhất (42,0%), thuyền viên lo lắng về vấn đề chăm sóc y tế trên tàu (41,0%), thuyền viên lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển (40,67%), căng thẳng về cảm xúc tình dục (40,0%), có gánh nặng về kinh tế (39,33%), lo nghĩ về gia đình (33,3%), căng thẳng về tiếng ồn, rung lắc (18,0%), cách trở cấp bậc (12,67%).

Bảng 2. Tỷ lệ mắc rối loạn TKTT của thuyền viên VTVD

CTNC \ KQNC	Số lượng		Tỷ lệ
	n		%
Bình thường	249		83,01
Căng thẳng (S)	10		3,33
Lo âu (A)	31		10,34
Trầm cảm (D)	10		3,33
Tổng	300		100

Tỷ lệ rối loạn thần kinh tâm thần của thuyền viên theo DASS 21 chiếm 17%, trong đó trạng thái lo âu chiếm tỷ lệ cao nhất (10,34%), căng thẳng và trầm cảm đều chiếm (3,33%).

Bảng 3. Mức độ rối loạn TKTT của thuyền viên VTVD (n = 300)

CTNC \ KQNC	Số lượng	Tỷ lệ
	n	%
Trầm cảm nhẹ	7	2,33
Trầm cảm vừa	3	1,0
Lo âu nhẹ	25	8,34
Lo âu vừa	6	2,0
Stress nhẹ	10	3,33
Tổng	51	16,99

Mức độ rối loạn tâm thần kinh của thuyền viên chủ yếu ở mức độ nhẹ, trong đó tỷ lệ thuyền viên có trạng thái lo âu ở mức độ nhẹ chiếm tỷ lệ cao nhất (8,34%), tiếp theo là tỷ lệ thuyền viên bị stress nhẹ (3,33%), trầm cảm nhẹ (2,33%), còn lại là thuyền viên bị lo âu vừa (2,0%), trầm cảm vừa (1,0%), không gặp trường hợp nào thuyền viên bị trầm cảm nặng, lo âu nặng hay stress vừa và nặng.

Một số yếu tố liên quan đến rối loạn TKTT của thuyền viên VTVD

Bảng 4. Liên quan giữa cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền và rối loạn thần kinh tâm thần của thuyền viên VTVD

CTNC \ KQNC	Có RLTK tâm thần		Không RLTK tâm thần		Tổng
	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	
TV có cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền	34	28,8	84	71,2	118
TV không có cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền	17	9,34	165	90,66	182
Tổng	51		249		300

OR = 3,08 (95%CI: 1,8 – 5,2), p = 0,001

Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền và rối loạn TKTL (OR = 3,08; 95%CI: 1,8 – 5,2). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p =0,00001

Bảng 5. Liên quan giữa căng thẳng về cảm xúc tình dục và rối loạn thần kinh tâm thần của thuyền viên VTVD

CTNC \ KQNC	Có RLTK tâm thần		Không RLTK tâm thần		Tổng
	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	
TV có căng thẳng về cảm xúc tình dục	27	22,0	91	78,0	118
TV không có căng thẳng về cảm xúc tình dục	24	13,73	158	86,27	182
Tổng	51		249		300

OR = 1,73 (95%CI: 1,05 - 2,85), p = 0,032

Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa căng thẳng về cảm xúc tình dục với nguy cơ rối loạn TKTT (OR = 1,73; 95% CI:1,05 - 2,85). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p = 0,032.

Bảng 6. Liên quan giữa lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển và rối loạn thần kinh tâm thần của thuyền viên VTVD

CTNC	KQNC	Có RLTK tâm thần		Không RLTK tâm thần		Tổng
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	
TV có lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển		28	23,7	90	76,3	118
TV không có lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển		23	12,6	159	87,4	182
Tổng		51		249		300

OR = 1,87 (95%CI: 1,1 – 3,0), p = 0,01

Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa lo lắng do tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển với nguy cơ bị rối loạn TKTT (OR= 1,87; 95% CI: 1,1 –3,0). Sự khác có ý nghĩa thống kê với p = 0,01

Bảng 7. Liên quan giữa lo lắng về chăm sóc y tế trên tàu và rối loạn thần kinh tâm thần của thuyền viên VTVD

CTNC	KQNC	Có RLTK tâm thần		Không RLTK tâm thần		Tổng
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	
TV có lo lắng về chăm sóc y tế trên tàu		32	27,1	86	72,9	118
TV không có lo lắng về chăm sóc y tế trên tàu		19	10,4	163	89,6	182
Tổng		51		249		300

OR = 2,59 (95%CI: 1,54 – 4,36), p = 0,023

Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa lo lắng về chăm sóc y tế trên tàu với nguy cơ bị rối loạn TKTT (OR= 2,59; 95% CI (1,54 – 4,36). Sự khác biệt về này có ý nghĩa thống kê với p = 0,023.

BÀN LUẬN

Nghiên cứu trên 300 thuyền viên vận tải viễn dương đến khám sức khỏe tại viện Y học biển năm 2023, chúng tôi thấy rằng đặc điểm thần kinh tâm lý chung của thuyền viên trong nghiên cứu của chúng tôi cũng khá tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Trường Sơn, Trần Thị Quỳnh Chi [2], Bùi Thị Hà [1], Nguyễn Văn Tâm [5], Đỗ Thị Hải [7] trước đó. Tuy nhiên tỷ lệ thuyền viên lo lắng về vấn đề chăm sóc y tế trên tàu trong nghiên cứu của chúng tôi lại cao hơn. Điều này có thể lý giải do đặc thù đi tàu viễn dương, thuyền viên phải lênh đênh trên biển nhiều ngày tháng, nhất là khi dịch bệnh Covid

bùng phát mấy năm trở lại đây, vào đúng thời điểm thuyền viên đi biển càng làm tăng thêm gánh nặng tâm lý về vấn đề chăm sóc y tế trên biển. Nghiên cứu của David Lucas, Brice Loddé [8] năm 2019 cho thấy tổ chức hàng hải ở Pháp ghi nhận trong vòng 10 tháng có đến 4000 thuyền viên bị mắc kẹt trên tàu vì dịch bệnh Covid và họ nhận được 142 cuộc gọi từ 32 thủy thủ trên tàu xin tư vấn về tâm lý. Đa số họ đều bị mệt mỏi, lo lắng thậm trí trầm cảm vì quá lo lắng về vấn đề sức khỏe, tài chính cũng như việc quay trở lại quê nhà. Tỷ lệ rối loạn thần kinh tâm thần chung của thuyền viên là 17%, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là trạng thái lo âu (10,34%), stress và trầm cảm đều chiếm 3,33%. Mức rối loạn

thần kinh tâm thần thì đa số ở mức độ nhẹ (lo âu nhẹ 8,34%, stress nhẹ 3,33%, trầm cảm nhẹ 2,33%). Kết quả này khá phù hợp với nghiên cứu của Fereshteh Baygi¹, Andrew Smit trên 439 thủy thủ (trong đó 200 sĩ quan và 239 không phải sĩ quan) về sự hài lòng của họ khi làm việc trên tàu biển. Nghiên cứu cũng sử dụng test DASS 21 và thấy rằng thuyền viên có trạng thái lo lắng chiếm tỷ lệ cao nhất, trong đó nhóm không phải sĩ quan có xu hướng lo âu cao hơn hẳn so với nhóm sĩ quan, điều đó ảnh hưởng đến sự hài lòng của họ [9].

Có mối liên quan khá chặt chẽ giữa cảm giác cô đơn, biệt lập với đất liền khi tàu hành trình trên biển và rối loạn TKTĐ. Nhóm thuyền viên có cảm giác này có nguy cơ bị cao gấp 3,08 lần so với nhóm còn lại với 95%CI (1,8 – 5,2). Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Trường Sơn, Trần Thị Quỳnh Chi [2], Bùi Thị Hà [1], Nguyễn Văn Tâm [5], Fereshteh Baygi and all [9]. Điều này có thể giải thích rằng trong suốt chuyến hành trình dài trên biển thuyền viên sống cách biệt với cuộc sống sôi động thường ngày, tách biệt khỏi cộng đồng xã hội, chính trị, văn hóa trên đất liền lâu ngày. Hơn nữa sự xa cách với gia đình, bạn bè gây cho họ cảm giác buồn chán, cô đơn. Mặt khác thuyền viên phải làm việc theo ca kíp, phần lớn thời gian là nhàn rỗi, họ không biết làm gì, trong khi mọi sinh hoạt của họ đều bị giới hạn trong không gian chật hẹp của con tàu, xung quanh là biển cả mênh mông, khiến họ có cảm giác bị biệt lập, gò bó và tù túng. Ngày này qua ngày khác họ phải tuân thủ thời gian biểu đơn điệu: “ăn, ngủ, dậy, đi ca” tạo nên đời sống tẻ nhạt, nhàm chán. Hơn nữa trong mấy năm trở lại đây, khi dịch bệnh Covid bùng phát, mỗi chuyến đi biển kéo dài hơn trước, thời gian các tàu cập cảng rất ngắn, thuyền viên ít được lên bờ. Vì vậy cảm giác cô đơn càng tăng, thuyền viên rất dễ bị căng thẳng thần kinh tâm lý.

Nhóm thuyền viên có căng thẳng về cảm xúc tình dục có nguy cơ bị rối loạn thần kinh tâm thần cao gấp 1,73 lần nhóm thuyền viên còn lại với 95% CI (1,05 - 2,85). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn nghiên cứu của Bùi Thị Hà [1] trên thuyền viên vận tải xăng dầu đường thủy I, căng thẳng về cảm xúc tình dục là 61,54% và Nguyễn Văn Tâm [5] trên thuyền viên vận tải viễn dương, căng thẳng tình dục là 69,16%. Tuy nhiên, đây vẫn là một trong những vấn đề đáng quan tâm của thuyền viên. Theo phỏng vấn của chúng tôi có khá nhiều thuyền viên có trạng thái căng thẳng cảm xúc tình dục nhưng không tìm đến cách giải tỏa bằng việc quan hệ tình dục với các đối tượng gái mại dâm, phần lớn vì lo sợ mắc bệnh, số ít vì vấn đề đạo đức xã hội. Nếu vấn đề này không sớm được giải tỏa sẽ dẫn đến những rối loạn thần kinh tâm thần, trầm cảm ở thuyền viên, ảnh hưởng đến sức khỏe và năng suất lao động.

Nhóm thuyền viên lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp 1,87 lần nhóm thuyền viên còn lại với 95% CI (1,1 – 3,0). Nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp với nghiên cứu trước đó của Bùi Thị Hà [1], Nguyễn Văn Tâm [5], Đỗ Thị Hải [7]. Theo phỏng vấn của chúng tôi đây cũng là yếu tố đáng quan tâm nhất hiện nay của thuyền viên vận tải viễn dương. Điều này có thể giải thích rằng, hiện nay các tai nạn thảm họa đang có xu hướng gia tăng. Thuyền viên ngoài phải chịu những căng thẳng do điều kiện sống lao động khắc nghiệt, cuộc sống cô lập, buồn chán trên tàu.. thì hàng ngày, hàng giờ họ phải đối mặt với những nguy cơ như giông bão, sóng thần, đắm thuyền tàu, vớt nạn cướp biển...có thể đe dọa cướp đi sinh mạng của họ bất cứ lúc nào. Nghiên cứu của Antonio Rosario Ziello cho thấy tỷ lệ trầm cảm ở thuyền viên Ý sau thảm họa cướp biển là 50% [6]. Điều này cho thấy vấn đề lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển luôn

thường trực, là một gánh nặng thần kinh tâm lý rất lớn cho thuyền viên.

Nhóm thuyền viên lo lắng về chăm sóc y tế trên tàu có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp 2,59 lần nhóm thuyền viên không lo lắng về chăm sóc y tế trên tàu 95%CI (1,54 – 4,36). Điều này hoàn toàn phù hợp với thực trạng y tế hiện nay trên các tàu biển rất khó khăn và hạn chế. Hầu hết các tàu đều thiếu thôn về sỹ quan y tế, trang thiết bị y tế, tủ thuốc... Khi xảy ra vấn đề bất trắc trên biển họ thường chỉ có thể trông chờ vào hệ thống hỗ trợ y tế từ xa Telemedecin, nguy cơ đe dọa sức khỏe và tính mạng của thuyền viên khi không được can thiệp kịp thời. Khi phỏng vấn thuyền viên bị Covid trên tàu, chúng tôi thấy rằng có rất nhiều người có cảm giác lo lắng, sợ hãi, thậm chí có cảm giác tuyệt vọng, không tin tưởng mình sẽ qua khỏi Covid khi ở trên biển. Điều này cho thấy sự lo lắng về vấn đề y tế trên tàu của thuyền viên cũng là một trong yếu tố quan trọng góp phần tạo nên gánh nặng tâm thần kinh cho thuyền viên. Nghiên cứu của Borsch DF [4] thấy rằng khi can thiệp cải thiện điều kiện sinh hoạt điều kiện chăm sóc y tế trên tàu làm cho tỷ lệ trầm cảm và tỷ lệ tự tử của thuyền viên giảm rõ rệt.

KẾT LUẬN

Thuyền viên vận tải viễn dương có tỷ lệ rối loạn thần kinh tâm thần theo DASS 21 là (17%), trong đó chủ yếu là các rối loạn ở mức độ nhẹ (lo âu nhẹ (8,34%), stress nhẹ (3,33%), trầm cảm nhẹ (2,33%), lo âu vừa (2,0%). Một số yếu tố liên quan đến rối loạn thần kinh tâm thần của thuyền viên vận tải viễn dương bao gồm: cảm giác cô đơn biệt lập có nguy cơ cao gấp 3,08 lần; căng thẳng về cảm xúc tình dục có nguy cơ cao gấp 1,73 lần; lo lắng về tai nạn, thảm họa xảy ra trên biển có nguy cơ cao gấp 1,87 lần; lo lắng về vấn đề chăm sóc y tế trên tàu có nguy cơ cao gấp 2,59 lần.

Lời cảm ơn: Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới hội đồng khoa học Trường

Đại học Y Dược Hải Phòng, Ban lãnh đạo Viện Y học biển, Khoa khám và quản lý sức khỏe lao động biển- Viện Y học biển đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận cho chúng tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài này. Nguồn kinh phí thực hiện nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và Viện Y học biển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hà (2002), “Nghiên cứu đặc điểm môi trường lao động và các rối loạn bệnh lý có tính chất nghề nghiệp của thuyền viên vận tải xăng dầu đường biển”. Luận án Tiến sỹ Y học, Hà Nội 2002.
2. Trần Thị Quỳnh Chi, Nguyễn Trường Sơn, Trần Thị Chính (2003), “Bước đầu nghiên cứu một số đặc điểm tâm sinh lý của thuyền viên Việt Nam”, Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế xuất bản, HN, số 444, tr 71-76.
3. Bài giảng Tâm thần học (2007). Học viện quân y. NXB Quân đội nhân dân, HN .
4. Borsch DF et al (2012). Shipping casualties and loss of life in UK merchant shipping, UK second register and foreign flags used by UK shipping companies. Marine Policy 2012; 36: 703 -712.
5. Nguyễn Văn Tâm (2013). “Nghiên cứu một số đặc điểm thần kinh – tâm lý của thuyền viên Việt Nam làm việc trên các tàu vận tải viễn dương năm 2012”. Tạp chí Y học Việt Nam , tập 423, số 2/2014, tr 72 - 77.
6. Antonio Rosario, Rolando Degli Angioli, Angiola Maria Fasanaro, Francesco Amenta (2013), Psychological consequences in victims of maritime piracy: the Italian experience. Int Marit Health 2013;64,3: 136-141.
7. Đỗ Thị Hải (2014), “Nghiên cứu thực trạng điều kiện lao động và đặc điểm thần kinh tâm lý của thuyền viên một số công ty vận tải xăng dầu năm 2013 - 2014”, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
8. David Lucas, Brice Loddé et all (2021). Seafarers' mental health in the COVID-19 era: lost at sea? Int Marit Health 2021; 72, 2: 138–141
9. Fereshteh Baygi1 , Andrew Smit (2022). Seafarers mental health status and life satisfaction: Structural equation model. TYPE Original Researc PUBLISHED 30 November 2022 DOI 10.3389/fpubh.2022.969231.